ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN A LƯỚI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1833 /QĐ-UBND	*A Lưới, ngày 25 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại UBND huyện A Lưới

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 11/03/2020 của UBND tỉnh về Triển khai việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính thực hiện toàn bộ quy trình tiếp nhân hồ sơ, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện;

Căn cứ Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện về triển khai Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện A Lưới năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng tại UBND huyện A Lưới phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 *(kèm theo phụ lục).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND huyện A Lưới.

Điều 3. Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các phòng ban liên quan;
- VP: LĐ, CV (CNTT);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND HUYỆN A LƯỚI
CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1833 /QĐ-UBND
ngày 25 / 9 /2020 của Chủ tịch UBND huyện A Lưới)

TT	LĨNH VỰC
	Lĩnh vực Công chức, viên chức (02 TTHC)
1.	Thủ tục tuyển dụng viên chức
2.	Thủ tục tuyển dụng công chức cấp xã
	Lĩnh vực Tổ chức, biên chế (02 TTHC)
3.	Thủ tục thành lập đơn vị sự nghiệp công lập
4.	Thủ tục giải thể, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập
	Lĩnh vực Hội, tổ chức phi chính phủ (17 TTHC)
5.	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã và thành phố
6.	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn
7.	Thủ tục thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn
8.	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn
9.	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn
10.	Thủ tục đổi tên hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn
11.	Thủ tục tự giải thể đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn
12.	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn
13.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
14.	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
15.	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn

16.	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
17.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
18.	Thủ tục cho phép quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động
19.	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
20.	Thủ tục đổi tên quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
21.	Thủ tục tự giải thể đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn
	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng (06 TTHC)
22.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị
23.	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sỹ tiên tiến, Tập thể lao động tiên tiến và Đơn vị tiên tiến
24.	Thủ tục tặng Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở
25.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề
26.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất
27.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại
	Lĩnh vực Chính quyền địa phương (01 TTHC)
28.	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới
	Lĩnh vực Tôn giáo (08 TTHC)
29.	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo
30.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
31.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
32.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện
33.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở

	một huyện
34.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
35.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
36.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (02 TTHC)
37.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập
38.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giao dục có vốn đầu tư nước ngoài
	Lĩnh vực Hộ tịch (16 TTHC)
39.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài
40.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
41.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài
42.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
43.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
44.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài
45.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài
46.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc
47.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
48.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
49.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)
50.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài
51.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
52.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài
53.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài

54.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch
	Lĩnh vực Chứng thực (12 TTHC)
55.	Cấp bản sao từ sổ gốc
56.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
57.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
58.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản
59.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản
60.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
61.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
62.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
63.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
64.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
65.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản
66.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản
	Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (02 TTHC)
67.	Thủ tục phục hồi danh dự
68.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại
	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động hộ kinh doanh (05 TTHC)
69.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
70.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
71.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh
72.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
73.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
	Lĩnh vực Thủy lợi (05 TTHC)

74.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp
75.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
76.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
77.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).
78.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).
	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động hợp tác xã (17 TTHC)
79.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (Quyết định số 3070 ngày 27/12/2018)
80.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
81.	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã.
82.	Đăng ký thành lập hợp tác xã
83.	Đăng ký khi hợp tác xã tách
84.	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất
85.	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập
86.	Đăng ký khi hợp tác xã chia
87.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)
88.	Giải thể tự nguyện hợp tác xã
89.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
90.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã
91.	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
92.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

93.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
94.	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã
95.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
	Lĩnh vực Phát triển nông thôn (08 TTHC)
96.	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh
97.	Bố trí ổn định dân cư trong huyện
98.	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại
99.	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại
100.	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại
101.	Hỗ trợ dự án liên kết
102.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)
103.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)
	Lĩnh vực Khuyến nông (01 TTHC)
104.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương
	Lĩnh vực Quản lý an toàn đập, Hồ chứa thủy điện (02 TTHC)
105.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện
106.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện
	Lĩnh vực Tiếp dân, khiếu nại, tố cáo (05 TTHC)
107.	Thủ tục Tiếp công dân
108.	Thủ tục Xử lý đơn thư
109.	Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần đầu
110.	Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần hai
111.	Thủ tục Giải quyết tố cáo
	Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng (05 TTHC)
112.	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập

113.	Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập
114.	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập
115.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình
116.	Thủ tục thực hiện việc giải trình
	Lĩnh vực cấp, quản lý Chứng minh nhân dân (03 TTHC)
117.	Cấp Chứng minh nhân dân
118.	Cấp đổi Chứng minh nhân dân
119.	Cấp lại Chứng minh nhân dân
	Lĩnh vực thu BHXH, BHYT, BHTN (03 TTHC)
120.	Đơn vị tham gia lần đầu, đơn vị di chuyển từ địa bản tỉnh, thành phố khác đến
121.	Truy thu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp
122.	Người lao động có thời hạn ở nước ngoài tự đăng ký đóng BHXh bắt buộc
	Lĩnh vực cấp sổ BHXH, thẻ BHYT (02 TTHC)
123.	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ BHXH
124.	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên thẻ BHYT
	Lĩnh vực Giải quyết chế độ BHXH (09 TTHC)
125.	Giải quyết hưởng BHXH một lần
126.	Giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng (đối với người có quyết định hoặc giấy chứng nhận chờ đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng lương hưu hoặc chờ hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP)
127.	Giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp hàng tháng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người được Tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích
128.	Giải quyết hưởng chế độ tử tuất
129.	Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg
130.	Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg
131.	Giải quyết hưởng trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo Quyết định 52/2013/QĐ-TTg
132.	Giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng (đối với trường hợp người lao động đang đóng BHXH bắt buộc)

133.	Giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng (đối với người đang tham gia BHXH tự nguyện, người đang bảo lưu thời gian tham gia BHXH)
	Lĩnh vực Văn hóa (11 TTHC)
134.	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa"
135.	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện cấp)
136.	Thủ tục công nhận lần đầu "Cơ quan đạt chuẩn văn hóa", "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa", "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa"
137.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm
138.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội
139.	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện cấp)
140.	Thủ tục công nhận lại "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"
141.	Thủ tục công nhận lần đầu "Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"
142.	Thủ tục công nhận lại "Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"
143.	Thủ tục công nhận lần đầu "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"
144.	Thủ tục Đăng ký tổ chức lễ hội
	Lĩnh vực Thư viện (01 TTHC)
145.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (vốn sách ban đầu từ 1.000 cho đến dưới 2000 bản)
	Lĩnh vực Gia đình (06 TTHC)
146.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
147.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
148.	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
149.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
150.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
151.	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực

	gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)
	Lĩnh vực viễn thông (04 TTHC)
152.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
153.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
154.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
155.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
	Lĩnh vực Lao động tiền lương (04 TTHC)
156.	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp
157.	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền
158.	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19
159.	Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động phải ngừng việc do đại dịch COVID-19
	Lĩnh vực Liên thông đăng ký hộ kinh doanh, HTX và đăng ký mã số thuế (02 TTHC)
160.	Đăng ký hộ kinh doanh và đăng ký mã số thuế
161.	Đăng ký hợp tác xã và đăng ký mã số thuế
	Lĩnh vực Người có công liên thông (19 TTHC)
162.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
163.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
164.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
165.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
166.	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
167.	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần
168.	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần

169.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ
170.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến
171.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
172.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi
173.	Thủ tục Đề nghị tặng hoặc truy tặng Danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"
174.	Thủ tục Đề nghị tặng hoặc truy tặng "Huân chương Độc lập"
175.	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
176.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng
177.	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ
178.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
179.	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ
180.	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình
	Lĩnh vực Người có công (06 TTHC)
181.	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ
182.	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng
183.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày
184.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh
185.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp
186.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia
	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (15 TTHC)
187.	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện
188.	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện
189.	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện

190.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện
191.	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
192.	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội
193.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội
194.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội
195.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp
196.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng
197.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
198.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
199.	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp
200.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng
201.	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc
	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội (04 TTHC)
202.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân
203.	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện
204.	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện
205.	Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Bảo trợ xã hội
	Lĩnh vực Quản lý tài sản công (13 TTHC)
206.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư

207.	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị
208.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công.
209.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước
210.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công
211.	Quyết định điều chuyển tài sản công
212.	Quyết định bán tài sản công
213.	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ
214.	Quyết định thanh lý tài sản công
215.	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công
216.	Quyết định tiêu huỷ tài sản công
217.	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại
218.	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của UBND huyện
	Lĩnh vực Quản lý ngân sách (01 TTHC)
219.	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công
	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo (35 TTHC)
220.	Thủ tục Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc
221.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục
222.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục
223.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục
224.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại
225.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở
226.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
227.	Thủ tục Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú
228.	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú

229.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục
230.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại
231.	Sáp nhập, chia, tách trường Tiểu học
232.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học).
233.	Thủ tục thành lập trung tâm học tập cộng đồng
234.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại
235.	Thủ tục cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục
236.	Thủ tục Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục
237.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục
238.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại
239.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ
240.	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục
241.	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú
242.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).
243.	Thủ tục Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
244.	Thủ tục Quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã
245.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập
246.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập
247.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở
248.	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở
249.	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc THCS
250.	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học
251.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cở sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

252.	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo ba và bốn tuổi
253.	Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em trong độ tuổi năm tuổi
254.	Thủ tục chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ
	Lĩnh vực xuất bản (02 TTHC)
255.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy
256.	Thay đổi thông tin cơ sở dịch vụ photocopy
	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa (12 TTHC)
257.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu
258.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu
259.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu
260.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
261.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
262.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
263.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
264.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
265.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
266.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
267.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
	Lĩnh vực Đất đai (33 TTHC)
268.	Thủ tục cung cấp dữ liệu về đất đai
269.	Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý
270.	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
271.	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề

272.	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
273.	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất
274.	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
275.	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
276.	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
277.	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
278.	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
279.	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
280.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở.
281.	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
282.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp
283.	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
284.	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
285.	Thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp

	chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền
286.	Thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư giá trị quyền sử dụng đất
287.	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam
288.	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam
289.	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân
290.	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư
291.	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất
292.	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện
293.	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
294.	Thủ tục Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
295.	Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
296.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
297.	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
298.	Thủ tục Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
299.	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng
300.	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
	Lĩnh vực Giao dịch bảo đảm (09 TTHC)

301.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
302.	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai
303.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên giấy chứng nhận
304.	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu
305.	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắng liền với đất đã đăng ký
306.	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắng liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký
307.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
308.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở
309.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắng liền với đất
	Lĩnh vực Phí bảo vệ Môi trường (01 TTHC)
310.	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải
	Lĩnh vực Môi trường (02 TTHC)
311.	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường
312.	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường
	Lĩnh vực Tài nguyên nước (02 TTHC)
313.	Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất.
314.	Thủ tục lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh.
	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật (01 TTHC)
315.	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị
	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng (07 TTHC)
316.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình (gồm công trình xây dựng không theo tuyến, công trình xây dựng theo tuyến trong đô thị, công trình tôn giáo, dự án, nhà ở riêng lẻ)
317.	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình
318.	Cấp giấy phép di dời công trình

319.	Điều chỉnh giấy phép xây dựng
320.	Gia hạn giấy phép xây dựng
321.	Cấp lại giấy phép xây dựng
322.	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)
	Lĩnh vực Quy hoạch (07 TTHC)
323.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)
324.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)
325.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn
326.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)
327.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)
328.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
329.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn
	Lĩnh vực Việc làm (03 TTHC)
330.	Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch COVID-19
331.	Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc do đại dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp
332.	Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19
	Lĩnh vực Tài chính kế hoạch (01 TTHC)
333.	Điều chuyển tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
	Lĩnh vực Tài chính đầu tư (04 TTHC)
334.	Thủ tục Phê duyệt quyết toán dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
335.	Thủ tục Phê duyệt quyết toán dự án dừng thực hiện vĩnh viễn không có khối

	lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
336.	Thủ tục Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhóm C thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
337.	Thủ tục Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhóm B thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
	Lĩnh vực Đầu tư xây dựng (04 TTHC)
338.	Thẩm định chủ trương đầu tư xây dựng công trình
339.	Trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
340.	Trình phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
341.	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình
	Lĩnh vực Lâm nghiệp (02 TTHC)
342.	Xác nhận bảng kê lâm sản
343.	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)
	Lĩnh vực Dân tộc (02 TTHC)
344.	Bình chọn, xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
345.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
	Lĩnh vực kinh doanh Khí (03 TTHC)
346.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
347.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
348.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
	Lĩnh vực quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự (03 TTHC)
349.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự
350.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự
351.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự